Tên: _____

Bài tập chính tả

Phân biệt x/s, ăn/ăng

Bài tập: Chọn từ ngữ thích hợp điền vào chỗ trống

xấu | sấu

cây .....

chữ .....

căn | căng

kiêu .....

..... dặn

xẻ | sẻ

san .....

..... gỗ

nhằn | nhằng

nhọc .....

lằng .....

xắn | sắn

..... tay áo

củ .....

vắn | vắng

..... mặt

..... tắt

LIVEWORKSHEETS